TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM THAO** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày 20-3-2023
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Chiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Thanh Phong, ông Nguyễn Phúc Hiếu

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn L - sinh năm 1965

Địa chỉ: Khu 4, xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ

(Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Chị Cao Thị D - sinh năm 1967

Địa chỉ: Khu 6, xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn anh Đỗ Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Cao Thị D đăng ký kết hôn ngày 21/11/2008 tại UBND xã K, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế gia đình và không có con chung

dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên hiện nay vợ chồng đang sống ly thân, từ ngày sống ly thân đến nay hai bên không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị Cao Thị D.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Cao Thị D đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Toà án giải quyết nên không lấy được lời khai của chị D và không tiến hành hòa giải được vụ án.

- Tòa án xác minh tại gia đình của chị Doãn và khu dân cư nơi chị Doãn cư trú, nội dung xác minh thể hiện như sau:

Anh Đỗ Văn L và chị Cao Thị D đăng ký kết hôn năm 2008 tại UBND xã K, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc và được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh L chị D sinh sống tại xã K, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng anh L chị D sống hạnh phúc đến khoảng tháng 8/2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L thường xuyên về nhà muộn và không quan tâm đến gia đình, vợ chồng không có con chung, kinh tế của gia đình khó khăn, khi chị D bị bệnh phải điều trị tại Bệnh viện thì anh L không đưa tiền cho chị D để nộp tiền viện phí và mua thuốc. Từ những nguyên nhân mâu thuẫn này dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng có được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng đời sống chung vợ chồng không cải thiện được. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị D đã về nhà em trai của chị D là anh H (bố mẹ đẻ của anh H hiện đã chết) ở khu 6, xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ để ở từ khoảng tháng 8/2014 đến nay, thời gian này không thấy anh L đến tham hỏi chị D.

Vợ chồng anh L chị D không có con chung, không có tài sản chung, không nợ ai và không có công sức đóng góp gia đình.

Nay anh L xin ly hôn chị D, quan điểm của gia đình chị D là đề nghị Tòa án giải quyết cho anh L được ly hôn chị D vì hiện nay vợ chồng đang sống ly thân.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký ghi biên bản phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa và nguyên đơn dân sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã không chấp hành các quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Văn L về việc xin ly hôn chị D. Đề nghị xử cho anh L được ly hôn chị D.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Không giải quyết.

Về án phí ly hôn: Anh Đỗ Văn L phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét thấy chị Cao Thị D hiện cư trú tại khu 6, xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Anh Đỗ Văn L xin ly hôn chị Cao Thị D, Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Chị Cao Thị D là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tòa án giải quyết và vẫn vắng mặt phiên tòa lần 2. Anh Đỗ Văn L là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 208, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và xét xử vắng mặt anh L, chị D là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn L và chị Cao Thị D đăng ký kết hôn ngày 21/11/2008 tại UBND xã K, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị D là hợp pháp. Anh L xin ly hôn nhưng chị D không đến Tòa án giải quyết. Để có căn cứ giải quyết việc anh L xin ly hôn chị D thì Toà án xác minh tại gia đình chị D, nội dung xác minh thể hiện tình trạng hôn nhân giữa anh L và chị D hiện nay không được hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là kinh tế gia đình khó khăn và vợ chồng không có con chung, mâu thuẫn vợ chồng có được gia đình khuyên giải nhưng không cải thiện được, do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh L và chị D sống ly thân từ tháng 8/2014 đến nay, từ ngày sống ly thân đến nay hai bên không quan tâm đến nhau. Xét thấy anh Lý trình bày về tình trạng hôn nhân giữa anh L và chị D là hoàn toàn phù hợp với nội dung Tòa án xác minh, hiện nay anh L và chị D đang sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh L và chị D là mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L về việc xin ly hôn chị D là có căn cứ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L về việc xin ly hôn nên xử cho anh L được ly hôn chị D.

[3] Về con chung: Anh L xác định vợ chồng không có con chung, còn chị D vắng mặt nên không làm rõ được anh L và chị D có con chung hay không. Vì vậy, không giải quyết con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Anh L xác định không có, còn chị D vắng mặt nên không làm rõ được anh L và chị D có hay không có tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình. Vì vậy, không giải quyết tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình.

[5] Về án phí ly hôn. Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, anh Đỗ Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điểm a, b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Văn L về việc xin ly hôn chị Cao Thị D. Xử cho anh Đỗ Văn L được ly hôn chị Cao Thị D.

3. Về con chung: Không giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Không giải quyết.

5. Về án phí: Anh Đỗ Văn L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0002254 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ (Xác nhận anh Đỗ Văn L đã nộp đủ 300.000 đồng án phí ly hôn).

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- UBND xã P, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Khắc Chiên